

**TÒA ÁN NHÂN D1
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 459/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 7- 2020
V/v “Ly hôn – một bên mất tích”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN D1 QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương

Các Hội thẩm nhân D1: 1. Ông Lê Ngọc Thanh

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân D1 quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân D1 quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà– Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân D1 quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 1234/2019/HNST ngày 09 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn – một bên mất tích”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2020/QĐST-XX-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn : Bà Nguyễn Thị P1 – sinh năm 1978

Địa chỉ: 82 D2, phường T1, quận T2, Tp.HCM.

2. Bị đơn : Ông Nguyễn Phong D1 – sinh năm 1980

Nơi cư trú cuối cùng : 82 D2, phường T1, quận T2, Tp.HCM.

(Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 11 năm 2019, bản tự khai và các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P1 trình bày:

Năm 2009 bà P1 tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn cùng ông Nguyễn Phong D1 tại Ủy ban nhân dân phường T1, quận T2, Tp.Hồ Chí Minh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó ông D1 thay đổi tính tình nên thường tụ tập bạn bè ăn chơi, không lo làm ăn, bỏ mặc gia đình cho bà tự

chăm sóc nên thường xảy ra nhiều mâu thuẫn. Năm 2015, ông D1 bỏ đi đâu không rõ. Mặc dù, bà đã thực hiện rất nhiều biện pháp tìm kiếm nhưng không có kết quả. Tòa án nhân D1 quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên bố ông Nguyễn Phong D1 – sinh năm 1980, có nơi cư trú cuối cùng tại số 82 D2, phường T1, quận T2, Tp.HCM là mất tích theo Quyết định số 375/2019/QĐST-DS ngày 14/10/2019. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Phong D1.

Về con chung : Bà và ông Nguyễn Phong D1 có 02 người con chung tên Nguyễn Phương H2 – sinh ngày 14/04/2009 và Nguyễn Phi H3 – sinh ngày 23/3/2012. Do các con chung từ trước đến nay vẫn đang chung sống cùng bà nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Bà không yêu cầu ông Nguyễn Phong D1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung : Bà không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà P1 có đơn đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu và xét xử vắng mặt. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Phong D1 tại nơi cư trú cuối cùng 82 D2, phường T1, quận T2, thành phố Hồ Chí Minh theo qui định của Bộ luật tố tụng D1 sự . Do đó, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà P1, ông D1 theo quy định pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân D1 quận Tân Phú phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng : Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 69, khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng D1 sự năm 2015. Việc Tòa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp và về thu thập chứng cứ, xác định đúng tư cách đương sự. Việc tham gia hỏi tại phiên tòa của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, còn vi phạm về thời hạn đưa vụ án ra xét xử tại Điều 203 Bộ luật tố tụng D1 sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 20, quyền số 01/2009 ngày 10/02/2009 của Ủy ban nhân dân phường T1, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho các đương sự thì quan hệ giữa bà Nguyễn Thị P1 và ông Nguyễn Phong

D1 là quan hệ hôn nhân thuộc phạm vi điều chỉnh của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay bà P1 yêu cầu ly hôn, ông D1 có nơi cư ngụ cuối cùng tại phường T1, quận T2, thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân D1 quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng D1 sự .

[2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt*

Bà P1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Phong D1 theo qui định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng D1 sự năm 2015. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng D1 sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà P1, ông D1.

[3] *Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P1 yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Phong D1. Hội đồng xét xử căn cứ vào quyết định đã có hiệu lực thi hành số 375/2019/QĐST-DS ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân D1 quận Tân Phú tuyên bố ông Nguyễn Phong D1, sinh năm 1980 mất tích nên yêu cầu ly hôn của bà P1 là phù hợp với khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 xét thấy có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Bà P1 trình bày bà và ông Nguyễn Phong D1 có 02 người con chung Nguyễn Phương H2 – sinh ngày 14/04/2009 và Nguyễn Phi H3 – sinh ngày 23/3/2012. Căn cứ vào bản tự khai ngày 29/4/2020, các trẻ Phương H2 và Phi H3 có cùng nguyện vọng được chung sống cùng bà Nguyễn Thị P1 vì cho rằng bà P1 là người chăm sóc cho các con tốt hơn. Bên cạnh đó, kể từ khi ông D1 mất tích cho đến nay thì các con chung do bà P1 trực tiếp chăm sóc và hiện các con chung phát triển khỏe mạnh bình thường. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Nguyễn Phương H2 – sinh ngày 14/04/2009 và Nguyễn Phi H3 – sinh ngày 23/3/2012 cho bà Nguyễn Thị P1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi các con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà P1 không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử giành quyền khởi kiện cho bà P1 về tài sản chung và nợ chung bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật .

Nếu sau này ông Nguyễn Phong D1 trở về hoặc người có quyền, lợi ích liên quan có quyền yêu cầu Tòa án hủy bỏ quyết định tuyên bố một người mất

tích theo quy định tại Điều 390 Bộ luật tố tụng D1 sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử giành quyền khởi kiện về con chung, mức cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, nợ chung cho ông D1 bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P1.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị P1 phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng D1 sự; Luật Phí và Lệ phí năm 2016 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông Nguyễn Phong D1 không nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 và Điều 390 Bộ luật Tố tụng D1 sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Luật Phí và Lệ phí năm 2016. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P1

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P1 được ly hôn với ông Nguyễn Phong D1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 20, quyền số 01/2009 ngày 10/02/2009 của Ủy ban nhân dân phường T1, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho các đương sự không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao 02 người con chung Nguyễn Phương H2 – sinh ngày 14/04/2009 và Nguyễn Phi H3 – sinh ngày 23/3/2012 cho bà Nguyễn Thị P1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Phong D1 không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Phong D1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà Nguyễn Thị P1 cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc ông Nguyễn Phong D1 thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung

+ Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

+ Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết

+ Vì cơ sở lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014), Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: Bà P1 không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử giành quyền khởi kiện cho bà P1 về tài sản chung và nợ chung bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật .

Nếu sau này ông Nguyễn Phong D1 trở về hoặc người có quyền, lợi ích liên quan có quyền yêu cầu Tòa án hủy bỏ quyết định tuyên bố một người mất tích theo quy định tại Điều 390 Bộ luật tố tụng D1 sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử giành quyền khởi kiện về con chung, mức cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, nợ chung cho ông D1 bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị P1 phải nộp, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0020227 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án D1 sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị P1 đã nộp đủ án phí. Ông Nguyễn Phong D1 không phải nộp án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án D1 sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân D1 cùng cấp, Viện kiểm sát nhân D1 cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng D1 sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án D1 sự thì người được thi hành án D1 sự, người phải thi hành án D1 sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án D1 sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án D1 sự.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THA DS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Cơ quan ĐKKH
- Lưu VP, hồ sơ (Hiện);

Nguyễn Thị Kim Cương